

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày
30 tháng 6 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kết quả công tác soát xét	3
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 30 tháng 6 năm 2012	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (dưới đây gọi chung là Tập đoàn) đã được soát xét cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003011 ngày 31 tháng 12 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là số 0303609986 vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Trụ sở của Công ty được đặt tại 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.000.000.000 đồng.

Đến thời điểm 30/6/2012, Công ty có đầu tư vào 02 công ty con.

Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tập đoàn như sau:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế, "tour cyclo";
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng. Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà; kinh doanh bất động sản. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi. San lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất. Thiết kế tạo mẫu. Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phi, thép xây dựng, ống kim loại tôn và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn – tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở), xe tải, xe chuyên dùng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Môi giới thương mại. Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Đại lý bán vé tàu hỏa. Kinh doanh kho bãi. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát, sữa, đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, kim khí, da giày;
- In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Tư vấn du học;
- Đại lý đổi ngoại tệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giữ xe;
- Dịch vụ bảo vệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Hữu Thọ	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đinh Quang Hiền	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Kim Trung	Thành viên Hội đồng quản trị
Bà Nguyễn Thị Thanh Phương	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Lê Văn An	Thành viên Hội đồng quản trị

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Đinh Quang Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Hồng Minh	Trưởng ban kiểm soát

3. Tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh 6 tháng đầu năm 2012 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc giai đoạn tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất và sổ sách, chứng từ kế toán của Tập đoàn.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Tập đoàn có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 của Tập đoàn.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Tập đoàn phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2012





Số: 13.156/BCHNSX-DTL

BÁO CÁO

KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN CHUYỀN SÀI GÒN TOURIST

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm 2012 của Công ty Cổ phần Vạn Chuyển Sài Gòn Tourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn) từ trang 04 đến trang 27 kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2012


ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV Đ.0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN
Chứng chỉ KTV 0425/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		52.997.753.065	49.430.102.799
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110		10.424.892.949	15.983.551.927
1. Tiền	111	5.1	10.424.892.949	15.983.551.927
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	130	5.2	32.510.710.508	25.989.556.050
1. Phải thu khách hàng	131		16.094.233.825	11.907.379.296
2. Trả trước cho người bán	132		3.285.254.909	5.169.243.783
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		15.594.411.121	9.192.929.488
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(2.463.189.347)	(279.996.517)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	5.3	608.540.829	928.915.845
1. Hàng tồn kho	141		703.826.651	1.024.201.667
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(95.285.822)	(95.285.822)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		9.453.608.779	6.528.078.977
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	2.800.697.625	2.980.947.229
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		73.337.293	46.269.463
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		201.989.734	188.156.702
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5.	6.377.584.127	3.312.705.583

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		67.818.483.998	70.216.467.047
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		55.616.838.224	58.256.635.050
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	41.654.929.134	44.294.725.960
+ Nguyên giá	222		63.879.027.485	64.141.408.883
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.224.098.351)	(19.846.682.923)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	13.750.000.000	13.750.000.000
+ Nguyên giá	228		13.750.000.000	13.750.000.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		211.909.090	211.909.090
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		8.053.163.112	8.053.163.112
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.8	8.053.163.112	8.053.163.112
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	260		4.148.482.662	3.906.668.885
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.233.004.428	1.500.480.676
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	6.7	654.424.960	199.234.935
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.9	2.261.053.274	2.206.953.274
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		120.816.237.063	119.646.569.846

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		27.842.765.080	26.070.507.728
I. Nợ ngắn hạn	310		16.853.784.390	15.253.850.765
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.10	339.914.724	149.629.546
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	4.686.927.513	1.013.895.476
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	938.446.947	1.527.191.138
5. Phải trả người lao động	315		628.719.661	1.300.384.311
6. Chi phí phải trả	316	5.12	3.328.192.219	2.066.268.512
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.13	6.931.583.326	9.196.481.782
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		10.988.980.690	10.816.656.963
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.811.861.350	1.703.484.350
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	9.000.000.000	9.000.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		177.119.340	113.172.613
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		92.973.471.983	93.576.062.118
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.15	92.973.471.983	93.576.062.118
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.052.178.753	2.052.178.753
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		10.921.293.230	11.523.883.365
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		120.816.237.063	119.646.569.846

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		13.978,51	10.612,18
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH THANH DIỄM TRANG

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH QUANG HIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. Minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		41.334.698.140	39.830.086.490
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	41.334.698.140	39.830.086.490
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	37.056.604.320	34.399.878.417
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.278.093.820	5.430.208.073
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	982.585.433	1.444.063.122
7. Chi phí tài chính	22	6.4	851.524.774	912.840.691
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		845.183.561	901.915.741
8. Chi phí bán hàng	24		363.087.386	269.579.136
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	8.718.878.830	5.250.458.936
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.672.811.737)	441.392.432
11. Thu nhập khác	31	6.6	3.782.459.661	500.709.157
12. Chi phí khác	32		157.590.394	122.889.806
13. Lợi nhuận khác	40		3.624.869.267	377.819.351
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(1.047.942.470)	819.211.783
16.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61		9.837.691	466.454.555
16.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		(455.190.025)	(390.365.051)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		(602.590.136)	743.122.279
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72		(602.590.136)	743.122.279
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	80	5.15.4	(75)	93

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỲNH THANH DIỄM TRANG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC




ĐINH QUANG HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.047.942.470)	819.211.783
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		2.630.752.735	3.009.706.716
Các khoản dự phòng	03		2.183.192.830	375.282.339
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(984.430.433)	(1.466.474.395)
Chi phí lãi vay	06		845.183.561	901.915.741
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		3.626.756.223	3.639.642.184
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(12.290.416.719)	10.901.908.288
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		320.375.016	(222.338.089)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		4.299.167.987	3.804.008.448
Tăng giảm chi phí trả trước	12		447.725.852	(2.007.175.884)
Tiền lãi vay đã trả	13		(845.183.561)	(901.915.741)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(100.000.000)	(1.079.961.984)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		219.000.000	262.500.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(138.800.000)	(2.867.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		(4.461.375.202)	11.529.267.222
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(10.474.545)	(482.327.273)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		21.363.636	22.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(5.796.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		982.585.433	1.443.747.122
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		993.474.524	(4.811.852.878)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(7.258.486.960)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.090.758.300)	(17.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.090.758.300)	(7.276.186.960)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		(5.558.658.978)	(558.772.616)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.983.551.927	21.998.947.937
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		10.424.892.949	21.440.175.321

KẾ TOÁN TRƯỞNG



HUỖNH THANH DIỄM TRANG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐINH QUANG HIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103003011 ngày 31 tháng 12 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là số 0303609986 vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80.000.000.000 đồng.

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.4 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là Tập đoàn).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tập đoàn là:

- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi;
- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa và quốc tế, "tour cyclo";
- Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm;
- Đào tạo lái xe (môtô và ô tô các loại), đào tạo nghề;
- Mua bán xe ô tô và phụ tùng. Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại;
- Kinh doanh nhà; kinh doanh bất động sản. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở);
- Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính;
- Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi. San lấp mặt bằng;
- Trang trí nội ngoại thất. Thiết kế tạo mẫu. Dịch vụ quảng cáo thương mại;
- Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại tôn và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn – tấm, sắt thép phế liệu (không mua bán tại trụ sở), xe tải, xe chuyên dùng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng, vật liệu xây dựng;
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hóa;
- Môi giới thương mại. Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Đại lý bán vé tàu hỏa. Kinh doanh kho bãi. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu bia, nước giải khát, sữa, đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, kim khí, da giày;
- In trên bao bì (không in tại trụ sở);
- Tư vấn du học;
- Đại lý đối ngoại tệ;
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dịch vụ giữ xe;
- Dịch vụ bảo vệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CONHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

1.4. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<u>STT</u>	<u>Tên công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Quyền biểu quyết của công ty mẹ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ</u>
1.	Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Bảo Vệ Long Vân	01 Đường số 42, Phường 4, Quận 4, TP. HCM	100%	100%
2.	Công ty TNHH MTV Thương Mại Du Lịch Sài Gòn	25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM	100%	100%

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 – Đầu tư vào công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Vận Chuyển Sài Gòn Tourist, báo cáo tài chính công ty con được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012. Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cho cùng giai đoạn tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

4.2. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối giai đoạn tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CONTHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ kế toán

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối giai đoạn tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CONTHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 33 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 24 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 11 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 09 năm
+ Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không khấu hao

4.7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

4.8. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối kỳ và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế như sau:

Tỷ lệ trích các quỹ do Hội đồng quản trị phê duyệt hàng năm, ngoại trừ quỹ dự phòng tài chính được trích theo tỷ lệ quy định tại Điều 49.3 của Điều lệ thành lập Công ty là không quá 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi quỹ này bằng 10% vốn điều lệ.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất là 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 7 năm kể từ năm 2007 và bằng 25% trong các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 3 năm tiếp theo được quy định trong Công văn 227/CT-TTHT ngày 08 tháng 01 năm 2008 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh. Năm 2009 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CONTHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với các báo cáo tài chính của các Công ty trong Tập đoàn.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	1.279.367.175	1.016.413.477
Tiền gửi ngân hàng	9.145.525.774	14.967.138.450
Tổng cộng	10.424.892.949	15.983.551.927

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải thu khách hàng	16.094.233.825	11.907.379.296
Trả trước cho người bán	3.285.254.909	5.169.243.783
Các khoản phải thu khác	15.594.411.121	9.192.929.488
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	34.973.899.855	26.269.552.567
Dự phòng phải thu khó đòi	(2.463.189.347)	(279.996.517)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	32.510.710.508	25.989.556.050

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY
CONHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	463.270.016	511.516.071
Công cụ, dụng cụ	28.063.353	28.966.553
Hàng hóa	212.493.282	483.719.043
Cộng giá gốc hàng tồn kho	703.826.651	1.024.201.667
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(95.285.822)	(95.285.822)
Giá trị thuần có thể thực hiện	608.540.829	928.915.845

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	249.830.032	294.128.805
Chi phí khác	2.550.867.593	2.686.818.424
Tổng cộng	2.800.697.625	2.980.947.229

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tạm ứng	4.569.370.727	1.434.992.183
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.808.213.400	1.877.713.400
Tổng cộng	6.377.584.127	3.312.705.583

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	ĐVT: ngàn đồng
					Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.383.565	592.569	61.545.046	620.228	64.141.408
Mua trong kỳ	-	10.475	-	-	10.475
Thanh lý, nhượng bán	-	(77.684)	(31.825)	(163.347)	(272.856)
Số dư cuối kỳ	1.383.565	525.360	61.513.221	456.881	63.879.027
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.092.287	466.039	17.778.581	509.776	19.846.683
Khấu hao trong kỳ	4.284	2.446	2.594.189	29.834	2.630.753
Thanh lý, nhượng bán	-	(77.684)	(15.731)	(159.922)	(253.337)
Số dư cuối kỳ	1.096.571	390.801	20.357.039	379.688	22.224.099
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	291.278	126.530	43.766.465	110.452	44.294.725
Tại ngày cuối kỳ	286.995	134.558	41.156.182	77.193	41.654.929

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 23.954.176 ngàn đồng - Xem thêm mục 5.14.

Nguyên giá của tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.127.011 ngàn đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY
CONTHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 1269/SXD ngày 08 tháng 9 năm 2003 tại địa chỉ 106/781 Nguyễn Kiệm, Phường 3, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh. Một phần giá trị của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay dài hạn - Xem thêm mục 5.14.

5.8. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty CP Đầu tư Giải trí Phước Sang	2.177.147.112	2.177.147.112
Tập đoàn Radius	80.016.000	80.016.000
Cho vay dài hạn Công ty CP Ô tô Vận tải Vina Đông Dương	5.796.000.000	5.796.000.000
Tổng cộng	8.053.163.112	8.053.163.112

5.9. Tài sản dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ký quỹ xuất khẩu lao động	1.000.100.000	1.000.100.000
Ký quỹ lữ hành quốc tế	250.000.000	250.000.000
Ký quỹ lữ hành nội địa	51.353.274	51.353.274
Bảo lãnh hợp đồng đại lý bán vé máy bay	500.000.000	500.000.000
Ký quỹ khác	459.600.000	405.500.000
Tổng cộng	2.261.053.274	2.206.953.274

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phải trả người bán	339.914.724	149.629.546
Người mua trả tiền trước	4.686.927.513	1.013.895.476
Tổng cộng	5.026.842.237	1.163.525.022

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Tập đoàn.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối kỳ	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	358.332.342	441.290.326
Thuế thu nhập doanh nghiệp	573.493.983	673.493.983
Thuế thu nhập cá nhân	6.620.622	3.005.829
Tiền thuê đất	-	409.401.000
Tổng cộng	938.446.947	1.527.191.138

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY
CONTHUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.12. Chi phí phải trả

	Cuối kỳ	Đầu năm
Chi phí đào tạo lái xe	257.330.738	360.761.330
Chi phí dịch vụ lữ hành	1.141.105.480	114.202.017
Chi phí khác	1.929.756.001	1.591.305.165
Tổng cộng	3.328.192.219	2.066.268.512

5.13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	296.330.193	172.081.593
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	321.193.791	585.225.397
Phải trả về cổ phần hóa	139.300.000	139.300.000
Cổ tức phải trả	2.880.950.257	4.971.708.557
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.293.809.085	3.328.166.235
Tổng cộng	6.931.583.326	9.196.481.782

5.14. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay ngân hàng để đầu tư mua 100 xe Toyota Vios 1,5 E để phục vụ kinh doanh dịch vụ vận chuyển taxi. Thời hạn vay là 05 năm với lãi suất 19%/năm. Tài sản thế chấp gồm: Tài sản hình thành từ hợp đồng vay và một phần tài sản cố định vô hình – Xem thêm mục 5.6 và 5.7.

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	ĐVT: ngàn đồng			
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000	2.052.179	18.708.526	100.760.705
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	3.099.843	3.099.843
Cổ tức đã công bố	-	-	(9.600.000)	(9.600.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(684.486)	(684.486)
Số dư đầu năm nay	80.000.000	2.052.179	11.523.883	93.576.062
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	(602.590)	(602.590)
Cổ tức đã công bố	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	80.000.000	2.052.179	10.921.293	92.973.472

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY
CONTHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Đầu năm
Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn	23.284.940.000	23.284.940.000
Công ty TNHH Thép Vinh Đa	13.808.640.000	13.808.640.000
Vốn góp của các đối tượng khác	42.906.420.000	42.906.420.000
Tổng cộng	80.000.000.000	80.000.000.000

5.15.3. Cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.000.000	8.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	-	-
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

5.15.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi hợp nhất sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	(602.590.136)	743.122.279
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ của Công ty mẹ	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	(75)	93

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu bán hàng	392.060.193	682.053.205
Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.942.637.947	39.148.033.285
Doanh thu thuần	41.334.698.140	39.830.086.490

6.2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	418.856.520	528.543.148
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	36.637.747.800	33.776.049.447
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	95.285.822
Tổng cộng	37.056.604.320	34.399.878.417

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	982.585.433	1.443.747.122
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	316.000
Tổng cộng	982.585.433	1.444.063.122

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY
CONTHUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	845.183.561	901.915.741
Chi phí hoạt động tài chính khác	6.341.213	10.924.950
Tổng cộng	851.524.774	912.840.691

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.877.766.214	2.520.932.907
Chi phí đồ dùng văn phòng	72.426.343	594.117.617
Chi phí khấu hao tài sản cố định	138.718.193	103.633.441
Thuế, phí và lệ phí	24.104.640	139.203.038
Chi phí dịch vụ mua ngoài	180.675.058	279.996.517
Chi phí khác bằng tiền	3.241.995.552	193.642.129
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.183.192.830	1.418.933.287
Tổng cộng	8.718.878.830	5.250.458.936

6.6. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
Tiền bồi thường dự án 99 C Phổ Quang	3.400.000.000	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	21.363.636	22.727.273
Thu nhập khác	361.096.025	477.981.884
Tổng cộng	3.782.459.661	500.709.157

6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Chi phí phải trả
Số dư đầu năm trước	304.456.147
Hạch toán là chi phí trong kết quả kinh doanh năm trước	(105.221.212)
Số dư đầu năm nay	199.234.935
Hạch toán là thu nhập trong kết quả kinh doanh kỳ này	455.190.025
Số dư cuối kỳ	654.424.960

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	10.374.571.533	7.920.565.476
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	972.135.476	614.597.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.630.752.735	3.007.082.212
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.947.813.449	8.822.380.481
Chi phí khác bằng tiền	3.429.596.119	2.557.045.587
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.183.192.830	279.996.517
Tổng cộng	34.538.062.142	23.201.668.088

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CONHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như:

- Dịch vụ taxi
- Dịch vụ du lịch
- Dịch vụ bảo vệ
- Dịch vụ xuất khẩu lao động
- Dịch vụ khác

(Phần tiếp theo trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 30/6/2012

Doanh thu	Dịch vụ taxi		Dịch vụ du lịch		Dịch vụ bảo vệ		Dịch vụ xuất khẩu lao động		Dịch vụ khác		ĐVT: triệu đồng	
	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này		
Từ khách hàng bên ngoài	15.253	14.406	15.157	18.810	5.242	5.722	198	80	6.162	4.497	42.012	43.515
Giữa các bộ phận	-	(18)	(865)	(1.645)	(1.317)	(517)	-	-	-	-	(2.182)	(2.180)
Tổng cộng	15.253	14.388	14.292	17.165	3.925	5.205	198	80	6.162	4.497	39.830	41.335
Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất												
Kết quả của bộ phận	1.971	1.416	1.959	1.849	678	563	26	8	796	442	5.430	4.278
Chi phí không phân bổ											5.520	9.081
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính											(89)	(4.803)
Doanh thu tài chính											1.444	982
Chi phí tài chính											912	851
Lợi nhuận khác											377	3.624
Lợi nhuận trước thuế											819	(1.047)
Thuế thu nhập doanh nghiệp											466	9
Chi phí thuế TNDN hoãn lại											(390)	(455)
Lợi nhuận sau thuế											743	(602)
Lợi ích cổ đông thiểu số											-	-
Lợi nhuận thuần											743	(602)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY CONTHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Các thông tin khác

	Dịch vụ taxi		Dịch vụ du lịch		Dịch vụ bảo vệ		Dịch vụ xuất khẩu lao động		Dịch vụ khác		Tổng cộng	
	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ
Tài sản của bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	119.646	120.816
Tổng tài sản hợp nhất											119.646	120.816

	Dịch vụ taxi		Dịch vụ du lịch		Dịch vụ bảo vệ		Dịch vụ xuất khẩu lao động		Dịch vụ khác		Tổng cộng	
	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ
Nợ phải trả của bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	26.070	27.842
Tổng nợ phải trả hợp nhất											26.070	27.842

Tập đoàn không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Tập đoàn trên toàn khu vực tại Thành phố Hồ Chí Minh, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY
CONTHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

<u>Tên công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn	Cổ đông
2. Công ty TNHH Thép Vinh Đa	Cổ đông

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	-	75.808.333

- Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương Ban Tổng Giám đốc của các công ty trong Tập đoàn	448.360.465	429.672.490
Lương các nhân viên chủ chốt khác của các công ty trong Tập đoàn	645.018.654	808.226.621
Tổng cộng	1.093.379.119	1.237.899.111

9. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 1 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	1.215.995.177	1.229.983.306

10. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Tập đoàn quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tập đoàn gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tập đoàn (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Tập đoàn áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012	1/1/2012
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.424.892.949	15.983.551.927
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.404.179.595	20.184.479.296
Đầu tư dài hạn	8.053.163.112	8.053.163.112
Tổng cộng	46.882.235.656	44.221.194.335

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY
CONTHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Công nợ tài chính

Các khoản vay	9.000.000.000	9.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	8.694.714.218	10.292.017.326
Chi phí phải trả	3.328.192.219	2.066.268.512
Tổng cộng	21.022.906.437	21.358.285.838

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

▪ **Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tập đoàn đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tập đoàn sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tập đoàn chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	30/6/2012	1/1/2012	30/6/2012	1/1/2012
Đô la Mỹ (USD)	-	-	13.978,51	10.612,18

Quản lý rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tập đoàn vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Tập đoàn quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Tập đoàn chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tập đoàn không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tập đoàn không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY
CONHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

▪ **Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Tập đoàn duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Tập đoàn phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

30/6/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Các khoản vay	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	8.694.714.218	-	8.694.714.218
Chi phí phải trả	3.328.192.219	-	3.328.192.219

1/1/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Các khoản vay	-	9.000.000.000	9.000.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	6.341.031.019	3.950.986.307	10.292.017.326
Chi phí phải trả	2.066.268.512	-	2.066.268.512

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	28.404.179.595	-	28.404.179.595

1/1/2012	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải thu khách hàng và phải trả khác	19.127.738.342	1.056.740.954	20.184.479.296

11. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST VÀ CÁC CÔNG TY
CONHUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

12. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 02 tháng 10 năm 2012.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 10 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



HUỖNH THANH DIỄM TRANG

ĐINH QUANG HIỀN